TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST Ngày: 19 - 8 - 2025 V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Đức Lý và ông Trương Vĩnh Mai.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Hoàng Phương Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 19/8/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 278/2025/TLST-HNGĐ, ngày 22/4/2025 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/7/2025, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Thị Kim H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Nơi ĐKTT: Số 04 đường 8/A, Thôn 6, xã H (nay phường T), tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở hiện nay: Số nhà 141 A, phường T, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Ông Trần Xuân P, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 04 đường 8/A, Thôn 6, xã H (nay phường T), tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn trình bày:

Bà Hồ Thị Kim H và ông Trần Xuân P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 24/4/2012. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2024 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do không cùng quan điểm sống, không có sự tin tưởng nhau nên thường xuyên cãi vã. Mâu thuẫn hôn nhân ngày càng lớn, thời gian mâu thuẫn kéo dài, hôn nhân không hạnh phúc nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Vì vậy, bà H đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn đối với ông Trần Xuân P.

Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung là chị Trần Ngọc Xuân P, sinh ngày 10/01/2003 và anh Trần Hồ Xuân P, sinh ngày 10/5/2010. Đối với chị Trần Ngọc Xuân P, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng anh Trần Hồ Xuân P cho đến khi con chung đủ

18 tuổi, về cấp dưỡng nuôi con các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Trần Xuân P trình bày:

Ông P và bà H kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là phường T, tỉnh Đắk Lắk) vào ngày 24/4/2012. Thời gian đầu hôn nhân hạnh phúc, đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn như lời trình bày của nguyên đơn là đúng. Mâu thuẫn hôn nhân kéo dài và không thể hàn gắn nên vợ chồng đã ly thân từ đầu năm 2024 cho đến nay. Ông P không đồng ý ly hôn và mong muốn được đoàn tụ, trường hợp bà H không muốn đoàn tụ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông P và bà H có 02 con chung như lời trình bày của bà H là đúng. Đối với chị Trần Ngọc Xuân P, hiện đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; nguyện vọng của ông P được trực tiếp nuôi dưỡng anh Trần Hồ Xuân P. Về cấp dưỡng nuôi con, các đương sự tự thỏa thuận.

Về tài sản chung, nợ chung: Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn vi phạm Điều 70 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do; đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 và 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định được tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho bà Hồ Thị Kim H được ly hôn đối với ông Trần Xuân P; về con chung, giao anh Trần Hồ Xuân P cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng; các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ và hợp lệ văn bản tố tụng cho đương sự. Tại phiên tòa, bà Hồ Thị Kim H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Trần Xuân P đã được Tòa án

triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Kim H và ông Trần Xuân P kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông P đều xác định mâu thuẫn hôn nhân không thể hòa giải được, vợ chồng đã ly thân. Trên cơ sở đó, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà H và ông P đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Bà H và ông P có 02 con chung là chị Trần Ngọc Xuân P, sinh ngày 10/01/2003 và anh Trần Hồ Xuân P, sinh ngày 10/5/2010. Xét nguyện vọng của các đương sự về việc nuôi con, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với chị Trần Ngọc Xuân P, hiện đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh Trần Hồ Xuân P, cần giao cho bà Hồ Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo tốt nhất quyền lợi của trẻ, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con, bà Hồ Thị Kim H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 238, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Thị Kim H.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Thị Kim H được ly hôn đối với ông Trần Xuân P.

Về con chung: Giao anh Trần Hồ Xuân P, sinh ngày 10/5/2010 cho bà Hồ Thị Kim H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Đối với chị Trần Ngọc Xuân P, sinh ngày 10/01/2003, hiện đã thành niên nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Hồ Thị Kim H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001292 ngày 17/4/2025, tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1 - Đắk Lắk).

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 1;
- Phòng THADS khu vực 1;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Tùng